

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
QH PLUS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02-MT/2025

Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2025

V/v công khai giấy phép môi trường

1023
09/10/2025

Kính gửi: UBND xã Nhơn Trạch

Chúng tôi là: Công ty Cổ phần Công Nghiệp QH Plus.

Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép môi trường số 416/GPMT-BNNMT ngày 03/10/2025 của dự án “Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus” tại Đường N1, Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Chúng tôi xin gửi đến Quý Cơ quan 01 Giấy phép môi trường số 416/GPMT-BNNMT ngày 03/10/2025 (đính kèm văn bản) để công khai trên trang thông tin điện tử của Quý Cơ quan.

Kính mong Quý Cơ quan xem xét.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;



CHỦ DỰ ÁN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tấn Phát

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 15.09/CV-QHPLUS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus, địa chỉ tại Đường N1, Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus” có địa chỉ tại Đường N1, Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3602713839, đăng ký lần đầu ngày 17/01/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/7/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7660658400 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/01/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 02/12/2024.

1.4. Mã số thuế: 3602713839.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các sản phẩm, linh phụ kiện xây dựng (có bao gồm công đoạn xi mạ), sản xuất các chi tiết bằng nhựa, gia công thép tấm, gia công thép cuộn, sản xuất thép dây (có bao gồm công đoạn xi mạ).



1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Diện tích: 44.815 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: sản xuất, gia công lưới thép hàn và uốn bê thép công suất sản xuất 47.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất, gia công các sản phẩm kim loại công suất 127.000 tấn sản phẩm/năm có công đoạn mạ điện phân đối với các sản phẩm đinh, bulong, đai ốc, các sản phẩm có ren tương tự và phụ kiện xây dựng khác có công suất 8.400 tấn sản phẩm/năm; sản xuất thép dây mạ kẽm nhúng nóng (bao gồm công đoạn mạ nhúng nóng): 26.000 tấn sản phẩm/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

(1) Quy trình sản xuất các sản phẩm, linh phụ kiện xây dựng: thép thanh tròn/thép vằn → cắt → tiện → khoan lỗ → vát mép → tạo ren → khoan → gia công tạo góc, mép và dập nguội/dập nóng → hàn đính kèm → xi mạ điện (*) → kiểm tra → lắp ráp → đóng gói, lưu kho.

(*) Quy trình xi mạ điện (chỉ áp dụng cho một số sản phẩm: đinh, bulong, đai ốc, các sản phẩm có ren tương tự và phụ kiện xây dựng khác có công suất 8.400 tấn sản phẩm/năm): tẩy dầu mỡ → rửa nước → tẩy gỉ → rửa nước → mạ kẽm → rửa nước → thụ động → sấy khô → lắp ráp sản phẩm linh phụ kiện xây dựng.

(2) Quy trình sản xuất các chi tiết bằng nhựa (nút nhựa) để bảo vệ đầu ren cho sản phẩm: hạt nhựa → sấy khô nhựa → phễu nạp liệu → nung chảy nhựa → đùn → ép khuôn → làm nguội → tách khuôn → kiểm tra → lắp ráp → thành phẩm (sản phẩm nhựa dùng để bảo vệ đầu ren cho sản phẩm linh phụ kiện xây dựng).

(3) Quy trình gia công thép tấm: thép cuộn → thép tấm → cắt liệu (sắt, thép, inox) → gia công (khoan, tạo góc, dập, tiện) → thành phẩm → giao cho khách hàng.

(4) Quy trình gia công thép cuộn: thép dây dạng cuộn → kéo thép/cắt thép → thành phẩm → giao cho khách hàng.

(5) Quy trình sản xuất thép dây: thép dây dạng cuộn → kéo → mạ nhúng nóng (**) → giao cho khách hàng.

(**) Quy trình mạ nhúng nóng: thép dây sau kéo → xả cuộn, nắn kéo → ủ nhiệt → làm nguội → tẩy rỉ → rửa nước (6 lần) → nhúng chất trợ dung → sấy khô → mạ nhúng nóng → lau khí ni tơ → làm mát → bọc sáp → sấy → thu cuộn → thành phẩm → đóng gói → khách hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 02 tháng 10 năm 2032). Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN, KKT tỉnh Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus;
- Công ty cổ phần đầu tư Vinatex - Tân Tạo;
- Lưu: VT, MT, Ng.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở, tiếp tục được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường. Tọa độ vị trí xả thải (vị trí đầu nối): X (m) = 1.184.069,11; Y (m) = 409.380,63 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch tại Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 16/HĐXLNT-2012 ngày 27/9/2012 và Văn bản số 25/CV-VNT ngày 05/8/2025 của Công ty cổ phần đầu tư Vinatex - Tân Tạo (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch để tiếp tục xử lý.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền mạ điện và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải công suất 5000 m³/giờ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền mạ nhúng nóng và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải công suất 4.800 m³/giờ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày (24 giờ) (theo phân kỳ đầu tư trong giai đoạn này Công ty đầu tư module 1 công suất 20 m³/ngày (24 giờ) để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch để tiếp tục xử lý).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày (24 giờ)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: nước thải chứa Cr → bể khử Cr và nước thải mạ, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → bể thu gom → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng →

bể trung hòa → bồn lọc áp lực → hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở → nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày (24 giờ).

- Vị trí xả thải: điểm đầu nối nước thải với Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch là hố ga bên ngoài Nhà máy trên đường số 04, Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch.

- Tọa độ vị trí xả thải (vị trí đầu nối): X (m) = 1.184.069,11; Y (m) = 409.380,63 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H₂SO₄, NaHSO₃, A-polymer, PAC, chất khử màu (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo nước thải sau xử lý không phát sinh thêm chất ô nhiễm và đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch).

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải dây chuyền mạ nhúng nóng module 1 công suất 20 m³/ngày (24 giờ)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: nước thải mạ nhúng nóng → hố gom → bể điều hòa → bể phản ứng theo mẻ → bể điều chỉnh pH 1 → bể điều chỉnh pH 2 → bể trung gian và kiểm mẫu → cột lọc cát → cột than hoạt tính → cột làm mềm → bồn chứa nước làm mềm → bể chứa nước sau xử lý → hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở → nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch.

- Công suất thiết kế module 1: 20 m³/ngày (24 giờ).

- Vị trí xả thải: điểm đầu nối nước thải chung với điểm đầu nối nước thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày (tọa độ vị trí xả thải (vị trí đầu nối): X (m) = 1.184.069,11; Y (m) = 409.380,63 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H₂SO₄, NaHSO₃, A-polymer (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo nước thải sau xử lý không phát sinh thêm chất ô nhiễm và đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng hoạt động của các đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời.

- Bảo trì máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, Nhà máy ngừng việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Thường xuyên phối hợp với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch theo định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đầu nối theo quy định của khu công nghiệp.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải dây chuyền mạ điện công suất 100 m³/ngày (24 giờ): đã xây dựng bể chứa nước thải dự phòng dung tích 210 m³ để lưu chứa nước thải khi có sự cố, sau khi sự cố được khắc phục, nước thải tiếp tục được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch. Trường hợp thời gian khắc phục quá 24 giờ, Chủ cơ sở phải dừng hoạt động đối với những công đoạn có phát sinh nước thải.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải dây chuyền mạ nhúng nóng (module 1 công suất 20 m³/ngày (24 giờ)): trường hợp gặp sự cố, nước thải được bơm về bể thu gom và bể điều hòa tổng dung tích 48,15 m³ để lưu chứa, sau khi sự cố được khắc phục, nước thải tiếp tục được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch. Trường hợp thời gian khắc phục quá khả năng chứa của bể thu gom, bể điều hòa, Chủ cơ sở phải dừng hoạt động hệ thống mạ nhúng nóng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải không phải vận hành thử nghiệm:

Công trình, thiết bị xử lý nước thải không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày (24 giờ) (đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 179/GXN-KCNĐN ngày 22/11/2017 và đã đi vào vận hành chính thức).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải (module 1) có công suất 20 m³/ngày (24 giờ) (mới lắp đặt do việc nâng công suất sản xuất của Cơ sở).

2.2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào (hồ thu gom) của hệ thống xử lý nước thải (module 1) mạ nhúng nóng công suất thiết kế 20 m³/ngày (24 giờ).

- Tại đầu ra (bể chứa nước sau xử lý) của hệ thống xử lý nước thải (module 1) mạ nhúng nóng công suất thiết kế 20 m³/ngày (24 giờ).

2.2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và

đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch.

2.2.5. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), cụ thể: thực hiện quan trắc chất thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nổi hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc nước thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong giấy phép môi trường.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường theo văn bản thỏa thuận đầu nổi.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ điện.
- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống thoát khí thải hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ điện (nguồn số 01), toạ độ vị trí xả thải: X (m) = 1.184.058, Y (m) = 409.382.
 - Dòng khí thải số 02: tương ứng với ống thoát khí thải hệ thống xử lý khí thải mạ kẽm nhúng nóng (nguồn số 02), toạ độ vị trí xả thải: X (m) = 1.184.097, Y (m) = 409.356.
- (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.800 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 5.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 4.800 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, ống khói, xả liên tục khi hoạt động sản xuất.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp = 1,0 và Kv = 0,8), cụ thể như sau:

Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Lưu lượng	mg/Nm ³	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
Bụi Zn	mg/Nm ³	24		
HCl	mg/Nm ³	40		

Ghi chú: kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 5.000 m³/giờ để xử lý trước khi xả ra môi trường thông qua ống thoát khí thải cao 5 m.

- Nguồn số 02: được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 4.800 m³/giờ để xử lý trước khi xả ra môi trường thông qua ống thoát khí thải cao 12 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

TT	Công trình, thiết bị xử lý khí thải	Tóm tắt quy trình công nghệ	Công suất thiết kế (m ³ /giờ)	Hóa chất, vật liệu sử dụng
1	Hệ thống thu gom xử lý khí thải tại dây chuyền mạ điện (nguồn số 01 tương ứng dòng số 01)	Khí thải → Đường ống thu gom → Hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Quạt hút → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ (cột B; K _p = 1,0 và K _v = 0,8), thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải.	5.000 m ³ /giờ	NaOH
2	Hệ thống thu gom xử lý khí thải tại dây chuyền mạ nhúng nóng (nguồn số 02 tương ứng dòng số 02)	Khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút 1 → Đường ống thu gom → Hấp thụ 1 bằng dung dịch NaOH → Hấp thụ 2 bằng dung dịch NaOH → Quạt hút 2 → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ (cột B; K _p = 1,0 và K _v = 0,8), thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải.	4.800 m ³ /giờ	NaOH

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo đảm độ ổn định và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành của hệ thống xử lý khí thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý khí thải như thiết bị lọc bụi, quạt hút. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không xả thải gây ô nhiễm môi trường.

- Các cán bộ vận hành được đào tạo kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành hệ thống, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu trữ ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải không phải vận hành thử nghiệm:

Công trình, thiết bị xử lý khí thải không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: 01 hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 01), công suất 5.000 m³/giờ (đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 179/GXN-KCNDN ngày 22/11/2017 và đã đi vào vận hành chính thức).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 02), công suất 4.800 m³/giờ (mới lắp đặt do việc nâng công suất sản xuất của Cơ sở).

2.2.3. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí.

Tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 02), công suất 4.800 m³/giờ.

2.2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.4 của Phần A Phụ lục này.

2.2.5. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu là 15 ngày/lần trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc khí thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong giấy phép môi trường.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý khí thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TTBTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp) kể từ ngày 01/01/2032.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tiếng ồn phát sinh từ khu vực gia công cơ khí.
- Nguồn số 02: tiếng ồn phát sinh từ khu vực mạ điện.
- Nguồn số 03: tiếng ồn phát sinh từ khu vực mạ kẽm nhúng nóng.
- Nguồn số 04: tiếng ồn phát sinh từ khu vực đúc ép nhựa.
- Nguồn số 05: tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải công suất 5.000 m³/giờ.
- Nguồn số 06: tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải công suất 4.800 m³/giờ dây chuyền mạ nhúng nóng.
- Nguồn số 07: tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 08: tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải module 1, công suất 20 m³/ngày (24 giờ).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: kể từ ngày 01/01/2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên kiểm tra máy móc (độ mài mòn các chi tiết máy, tra dầu mỡ, bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết mài mòn) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Nền bê máy thiết bị xây bằng phẳng, chắc chắn, lắp đặt các tấm đệm, lò xo giảm chấn, long đen vĩnh tại các chân bê máy nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

1.3. Bố trí các máy móc một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

3602
CƠ
CỔ
ÔNG
QH
TN TRAC

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Xi hàn	07 04 02	515
2	Axit tẩy thải	07 01 01	4.400
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	180
5	Que hàn thải	07 04 01	10
6	Dầu cắt, dầu làm mát thải	17 07 03	1.150
Tổng khối lượng			6.265

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	10
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	760
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	900
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	1.150
5	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	1.330
6	Mặt sắt thải dính dầu	07 03 11	195.335
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	8.450
8	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước rửa lọc của hệ thống xử lý nước thải)	19 10 01	2.000
9	Pin mặt trời thải	19 02 08	800
Tổng khối lượng			210.735

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm nhựa (nhựa phế, sản phẩm nhựa bị lỗi) không nhiễm các thành phần nguy hại	03 02 12	76

2	Nhóm kim loại không nhiễm các thành phần nguy hại	12 08 05	45.725
3	Hộp chứa mực in thải (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 08	60
4	Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy loại bỏ từ văn phòng	18 01 05	1.086
5	Pallet gỗ	18 01 07	383
6	Bùn từ bể tự hoại	18 02 02	1.030
Tổng khối lượng			48.360

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 54,13 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu giữ: kho lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát có diện tích khu vực lưu chứa: 300 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Khu lưu giữ chất thải công nghiệp diện tích 60 m² và kho lưu giữ phế liệu 220 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít, 240 lít tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để thực hiện việc phân loại tại nguồn; xây dựng kế hoạch thu gom, chuyển giao các loại chất thải phù hợp với khối lượng phát sinh và khả năng lưu giữ của các kho chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

27138
NG TY
PHÂN
NGHI
PLU
CH-T.Đ

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành việc nâng công suất (theo phân kỳ giai đoạn 1) của Cơ sở “Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus” tại Đường N1, Khu công nghiệp Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 632/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở “Công ty cổ phần công nghiệp QH Plus”.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 632/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

Tiếp tục lắp đặt các máy móc thiết bị còn lại cho dây chuyền sản xuất thép dây mạ kẽm nhúng nóng (có công đoạn mạ nhúng nóng), công suất 25.600 tấn sản phẩm/năm để đạt tổng công suất 51.600 tấn sản phẩm/năm. Cụ thể:

- 01 dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng thép dây.
- 03 máy kéo thép dây công suất 270Kw.
- 01 hệ thống xử lý khí thải từ khu vực mạ nhúng nóng, công suất 4.800 m³/giờ.
- 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất dây chuyền mạ nhúng nóng (module 2 công suất 20 m³/ngày (24 giờ)).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

4. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng ngừa ứng phó sự cố và phòng, chống cháy nổ; đảm bảo quá trình hoạt động ổn định của các hệ thống, dây chuyền sản xuất, công trình bảo vệ môi trường; trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động, phòng ngừa, ứng phó sự cố, đảm bảo khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

6. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

